



Tôi Đọc: Nước Mắt Của Rừng

Trang Y Hạ

“Nước Mắt Của Rừng”. Tác giả: (Amai B'Lan).

Trước đây tôi có viết “Cánh Rừng Thời Nhỏ”. Nội dung mô tả về phong tục, tính cách và bản năng sinh tồn của người Thượng ở Cao Nguyên nói chung và KonTum giữa núi rừng trùng trùng điệp điệp... Đó là bối cảnh từ những năm (một ngàn chín trăm năm mươi bảy), thời gian ấy tôi theo cha mẹ tới vùng DakTo lập nghiệp.

Thời nhỏ tôi đã từng tắm ở dòng sông Dakpsi, lớn lên tôi tắm ở dòng sông Pơco...

Thời gian đó để lại trong tâm lòng những kỷ niệm không thể nào quên. Hôm nay

tôi được nhà xuất bản (Nhân Ảnh) ở San Jose, California, giới thiệu cuốn “Nước Mắt Của Rừng” của tác giả (Amai B' Lan), cầm cuốn sách tôi nghĩ tác giả là một người Thượng... Tôi lật phía sau quyển sách thì không phải như vậy. Tên (Amai B' Lan) - tác giả cuốn sách, là một cô gái (người kinh) còn rất trẻ, cô có tên thật là Trần Thị Trung Thu, cô sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Nai. Cô tốt nghiệp khoa báo chí ở đại học KHXX&NV, sau khi tốt nghiệp thay vì cô xin đi viết báo ở các tòa soạn để đạt sự mơ ước của tuổi trẻ thì cô lại dẫn thân đi lên vùng Cao Nguyên làm công tác xã hội và trở thành một ký giả tự do.

Ấn phẩm “Nước Mắt của Rừng” vồn vẹn có một trăm ba mươi chín trang (139), giá bìa ghi \$15 mỹ kim. Ở đây tôi không đề cập sách mỏng hay dày hoặc giá tiền mà chính là tựa cuốn sách đã làm cho tôi xúc động...! Tôi xúc động bởi tôi đã từng sống trên vùng cao nguyên (KonTum) từ thuở còn bé. Từ thuở bé tôi đã tiếp xúc với người Thượng, tôi sống gần họ, tôi mến họ và họ cũng mến tôi. Lớn lên tôi vào lính, tôi cũng gần gũi với các đơn vị lính Trường Sơn, hầu hết là người Thượng. Và đơn vị tôi được phân công việc phụ trách di tản các ngôi làng Thượng từ nơi rừng sâu ra vùng quốc gia kiểm soát... Câu thành ngữ “*ăn của rừng rừng rừng nước mắt*”, đã cho tôi một cảm nhận qua lời nói của cha tôi. Sau này tôi mới hiểu ra rằng: rừng không phải là gia tài ăn hoài không hết, rồi một ngày nào đó (rừng khóc), thì con người phá rừng phải chịu hậu quả từ giọt nước mắt của rừng. Đó là thiên tai bão lũ, hạn hán khô cạn các dòng sông, dòng suối!

“Nước Mắt Của Rừng” chính là nước mắt người Thượng, những giọt nước mắt chảy ngược vào tim. (Amai B'Lan). Tôi không hiểu tại sao một cô gái ốm yếu sinh ra ở Đồng Nai vừa tròn mười tám tuổi đầu với bằng cấp trong tay và ước mơ cho một tương lai tươi đẹp trước mắt, lại có một (tình cảm) sâu nặng với người Thượng J'rai trên mảnh đất Phú Bổn, Cheo Reo, thủ phủ Ayunpa, Krong Pa... Đó vùng đất Cao Nguyên mà các linh mục thừa sai ngày xưa đã từng tới để rao giảng tin mừng của Chúa.

Tôi thán phục, ngưỡng cô – cô gái còn rất trẻ mà đã biết hy sinh ước vọng của riêng mình đã mạnh dạn dẫn thân vào nơi nguy hiểm; nguy hiểm chẳng những từ rừng thiêng nước độc mà cả với con người và nhà chức trách khi biết cô viết ra sự thật. Tôi trích vài đoạn cảm nghĩ của tác giả Amai B'Lan:

“... Tôi đến Ayunpa, thủ phủ của người Jarai, sau đó là Krong Pa chỉ với ý định dạy học cho những em bé Jarai trong ba tháng hè năm 2011. Không dám có ước muốn tìm hiểu một dân tộc thẳm sâu và lạ lùng trong quãng thời gian ngắn như thế. Đặt chân lên mảnh đất huyền thoại này, mới bước vào một quán ăn nhỏ đã thấy sự bất công, hưởng hủ tôi đã ở suốt một mùa hè nơi đây, và trở lại nhiều lần trong mùa xuân 2012.

Những cuốn sách viết về người Jarai, về cao nguyên, đều vẽ lên những hình ảnh đẹp đẽ và thơ mộng của một thời đã qua. Thời của già làng đêm đêm bên bếp lửa bập bùng kể Akhan, thời của Potao quyền lực bậc nhất cao nguyên, thời của núi rừng bạt ngàn và sông suối trong veo.

Tất cả đã qua rồi

Giờ đây, những gì còn lại chỉ là một dân tộc đang lụi dần...”

(Ngưng trích).

Cuốn Sách Gồm: Mười Bốn Phần:

- “Duyên Nợ Cao Nguyên”

Tôi nghĩ, từ trong sâu thẳm đã có nhịp cầu tâm linh của núi rừng huyền bí, của Akhan, của Potao nên người con gái trẻ Trần Thị Trung Thu mới dám mạo hiểm dẫn thân chỉ bằng bằng một chiếc xe đạp cọc cạch đi từ: Di Linh lên KonTum, rờn rã mắt một tháng trời... Dọc đường cô phải đi xin ăn, xin ngủ, xin uống nước như một kẻ ăn mày “cái bang”... Từ Di Linh cô đi qua Gia Nghĩa chịu đói rét giữa đường đèo đất đỏ không một bóng người. May mắn cô được một gia đình người Thượng cho tá túc giữa đêm mưa tầm tã... Vợ chồng người Thượng (chủ nhà) gia nua nghèo đói ấy đã đùm bọc cô qua đêm khi cô lỡ độ đường, họ nấu cho cô một nồi nước nóng để cho cô tắm và cho cô ăn một trái bắp luộc cho đỡ đói. Ngày hôm sau vợ chồng già tiễn cô lên đường bằng một nải chuối, một chai nước trà (nóng) và một cái áo mưa... Rồi cô lại đi từ: Ban Mê Thuật tới Ajunpa, đoạn đường dài khoảng 200 cây số, nếu đi xe đò thì phải mất ít nhất 4 giờ đồng hồ theo như cô nói... Đó là những chuyến đi tiếp theo để lên vùng cao nguyên của cô gái trẻ. Đúng lý ra cô có thể nhảy lên xe đò để đi cho khỏi cực khổ và ít nguy hiểm cho thân gái dặm trường - đêm hôm mưa gió giữa rừng thiêng, nước độc. Đó là chưa kể bệnh tật và xe đạp hư hỏng.... Nhưng không, nếu cô đi xe đò thì chẳng qua chỉ là đi du lịch “cởi ngựa xem hoa”..., cô muốn tự mình với chiếc xe đạp cà tàng vượt qua các địa danh để ghi nhận hết hình ảnh của núi rừng hùng vĩ cũng như con người sắc tộc sống nơi thâm sơn cùng cốc từ hàng ngàn năm trước cho tới tận bây giờ.

Cô Amai B'Lan, kể:

“Tôi mê cao nguyên không đơn thuần chỉ vì vẻ đẹp tinh khôi của nó, mà còn vì trong chuyến đi mạo hiểm đầu đời, tôi được những con người tốt bụng của cao nguyên đùm bọc khi sa cơ lỡ bước...” (Ngưng trích)

Những con người tốt bụng đó, họ chính là người Thượng, là người Thượng J'rai.

Cô Amai B'Lan, nhanh chóng tìm được cô bạn gái Mơai, Mơai đang học ngành xã hội và cô bạn gái đó đã giúp cô về Krong Pa dạy học. Cô khôn ngoan, nên cô tìm gặp cha quản xứ, chính cha xứ là chỗ dựa vững chắc. Cô gặp cha Gioan, một mình cha phải coi sóc hơn 40 buôn làng. Quá thật vất vả cho cha, vì thiếu giáo viên trầm trọng, thiếu cả giáo lý viên. Cô giúp cha, cô rủ thêm các sinh viên người Thượng về Krong Pa dạy học – (dù là dạy kèm trong ba tháng hè). Trong thời gian vừa dạy học cho lớp trẻ J'rai vừa giúp giáo xứ mọi việc, cô ăn ở chung với người J'rai nên cô đã gây được cảm tình với họ. Họ tin tưởng, họ kể hết mọi chuyện cho cô nghe. Đồng thời cô tận mắt chứng kiến cuộc sống cơ cực của người J'rai; cô chứng kiến cảnh người kinh cướp đoạt đất đai và đồng hóa người J'rai cũng như khinh thường họ... Cô đã đi đi về về với vùng đất Krong Pa như chính quê hương Đồng Nai của cô. Quả là cô gái với ý chí mãnh liệt có cái tên (Amai B'lan), cô vốn có duyên nợ với Cao Nguyên huyền bí.

Ngày xưa, tôi chưa hề biết Krong Pa, cho tới một ngày “di tản chiến thuật” tháng ba 1975, dân quân hai tỉnh KonTum và Pleiku di tản trên con đường hoang vu, loang lổ có tên: liên tỉnh lộ 7.B qua quận lỵ Củng Sơn về Tuy Hòa. Con đường lui binh tàn nhẫn đó ngày nay có tên mới quốc lộ 25 như cô Amai B'Lan đã viết. Tôi đã đi qua con đường 7.B đầy máu và nước mắt để rồi phải dừng lại bên bờ sông Ba mùa khô đầy cát trắng và dòng nước mát trong xanh. Sau này tôi đã viết “Đêm Nằm Ở Sông Ba”.

Trong “nước mắt của rừng” cô có nói chuyện, người dân cho cô hay:

“... Nhiều người chạy tới đèo Tona thì bị phục kích. Nhiều người chết đến mức nghẽn cả dòng chảy sông Krong Pa. Qua thấy xác chết tới ăn đen cả bầu trời, đậu đầy núi. Vì vậy người ta mới gọi núi này là Núi Quạ... Hôm tôi về Krong Pa, tôi nhìn lên núi thì không thấy con quạ nào nhưng chỉ tưởng tượng đến tháng ngày chiến tranh đó đã không khỏi rùng mình. Người dân nơi đây đã phải trả một cái giá quá đắt. Hơn ba mươi năm sau, họ mất luôn quyền làm chủ núi rừng có tự ngàn xưa”.

Và rồi cuộc sống của người J'rai sau này:

“Ayunpa có một hệ thống thủy lợi dẫn từ Phú Thiện về dài chừng 20 cây số, cho phép người dân làm một năm ba vụ, nhưng người dân J'rai chỉ làm hai vụ thôi, họ nói vụ thứ ba để cho đất nghỉ. Kiểu canh tác nhân ái này có nguồn gốc từ nền văn hóa thảo mộc, nghĩa là mượn tài nguyên của mẹ tự nhiên để xin cái ăn rồi trân trọng trả lại”. (Ngưng trích).

Kiểu canh tác “nhân ái” này, (Trang Y Hạ) đã viết trong “Cánh Rừng Thời Nhỏ”. Tuy nhiên, không ngờ rằng sau bao nhiêu năm sự nhân ái với rừng, với đất vẫn còn in đậm trong lòng người J’rai và có thể là cả vùng Cao Nguyên rộng lớn – Cheo Reo, Pleiku, KonTum, Ban Mê Thuật...!

Trọng tâm của cô Amai B’Lan là tường thuật lại những gì cô tận mắt chứng kiến cuộc sống hiện tại của người J’rai và sự tồn vong của họ trong cuốn “Nước Mắt Cửa Rừng”. Tuy nhiên, cô có khái quát một vài tài liệu hình thành tỉnh Phú Bổn, thị xã Cheo Reo. Tôi nghĩ, cô cũng đã từng đọc qua các tài liệu lịch sử cũng như các sách báo của các linh mục thừa sai, các linh mục bản địa và của các nhà nghiên cứu đã viết về vùng đất Cao Nguyên.

Cô Amai B’Lan, kể:

“...Hỏi thăm người dân tôi được biết, Cheo Reo là tên của hai anh em Cruh và Creo đến lập cư tại đây vào đầu thế kỷ 19 (một số tài liệu ghi là Chu và Chreo). Lúc đầu hai anh em ông lập làng tại Rongol-por-klang, nay là vùng đất gần đập Ia Hiao. Sau đó, cả làng di chuyển đến vùng đất gần sông Ayunpa, nay là thị trấn Ayunpa. Trước năm 1900 làng này có tên là Bon Chu. Năm 1904, người Pháp ký nghị định giao Cao Nguyên cho triều đình Huế, và đặt tên cho vùng đất này là Cheo Reo (đọc trại từ hai từ Cruh và Creo). Như vậy, về mặt hành chính (của chính quyền thực dân), từ năm 1904, Cao Nguyên mới chính thức thuộc về Việt Nam. Ngày 1.9.1962, chính quyền Sài Gòn lập tỉnh Phú Bổn, đặt tỉnh lỵ tại Cheo Reo và đổi tên là thị xã Hậu Bổn. Chính điều này khiến cư dân vùng Cheo Reo có điều kiện ăn học hơn hẳn các vùng khác, sinh ra nhiều trí thức, phần lớn làm việc cho Tây (đề sau 75 cũng bị đi cải tạo nhiều hơn các vùng khác). Sau 1975, thị xã Hậu Bổn đổi thành thị xã Ayunpa. Người J’rai thích gọi vùng này là Cheo Reo hoặc Ayunpa vì những cái tên này vốn dĩ của người J’rai. Trong khi đó, người kinh thích gọi là Phú Bổn vì dễ đọc, và vì muốn thể hiện quyền làm chủ trên mảnh đất này. Dù sao thì tôi vẫn thích cái tên Ayunpa vì nghe có vẻ như...ở nước ngoài.”. (Ngưng trích).

Thời đệ nhất cộng hòa thì không còn “Tây” đô hộ nữa. Có lẽ cô Amai B’Lan, muốn nói - một số người Thượng theo Fulro? Hoặc “Tây” là... ám chỉ chung người Mỹ và người phương Tây.

Cô Amai B’Lan, kể: Ngày nay người Kinh sống xen lẫn với người Thượng, người Kinh khôn (lỗi) giành hết những phần đất màu mỡ... Ngày xưa họ quý mến người Kinh tới nhà bao nhiêu thì ngày nay họ quay ngược trở lại. Điều đó chứng tỏ là họ xem người Kinh như kẻ đi xâm lấn đất đai và cố ý đồng hóa họ...

Amai B’Lan, kể:

“Một phụ nữ J’rai kể cho tôi nghe về những tháng ngày sau bảy lăm. Khi người Kinh ô ạt di cư tới đây, họ xem người bản địa như một giống người mọi rợ đáng khinh đến mức, ngay giữa chợ, một người Kinh có thể tát người J’rai chỉ vì người J’rai này không bán cho họ thứ họ muốn. Bây giờ sự kỳ thị đã giảm nhiều nhưng sự phân biệt vẫn còn đó. Bước vào một tiệm cơm, nếu để ý một chút, bạn có thể thấy thái độ của người bán hàng đối với người Kinh và người J’rai khác hẳn. Họ luôn vồn vã chiều lòng người Kinh nhưng họ lại thờ ơ lạnh nhạt với người J’rai” (Ngưng trích)

Vì đâu nên nổi như vậy. Câu trả lời như sau:

“Người Kinh tới, đặt ra những chủ trương xuất phát từ lòng tham, vơ vét mọi thứ về mình. Số liệu thống kê năm 2008 cho thấy ở Gia lai, người Kinh chiếm 52 phần trăm dân số, trong khi người J’rai chỉ còn 33,5 phần trăm. Người Kinh nghiễm nhiên trở thành ông chủ trên mảnh đất của người J’rai, giàu lên trên sự lạc hậu (về vật chất) của người bản địa nhưng không lúc nào ngớt lời chê bai. Những người J’rai hiền lành và thật thà nhanh chóng trở nên trắng tay và bị Kinh hóa. Hãy thử tượng tượng một người “khách” đến nhà mình, ăn uống no say ở nhà mình, rồi chiếm đoạt toàn bộ tài sản của mình, sau đó đá đít đuổi mình ra khỏi nhà. Một người như thế thì có đáng bị gọi là “ăn cháo đá bát”, “vong ân bội nghĩa “không”?” (Ngưng trích)

Trước ngày bảy lăm, người Kinh lên sinh sống ở Cao Nguyên không nhiều. Người Thượng họ sống riêng biệt. Tuy họ sống riêng biệt, nhưng chuyện mua bán, trao đổi thổ sản, hàng hóa qua lại thân tình, sòng phẳng, luôn tồn tại lẫn nhau và thành thật. Bây giờ sống xen kẽ, là cố ý đồng hóa người Thượng. Người Thượng, họ có lòng tự trọng, họ thật thà như đếm nhưng không có nghĩa là họ không biết gì về thái độ của người Kinh đối xử với họ ra sao.

Người Thượng trên vùng Cao Nguyên đã sinh sống từ lâu đời. Địa danh lừng lẫy gọi chung là (Ayonapar), mà người Campuchia gọi là (Vua Lửa) - gồm hai con sông lớn Ayun và Apar. Tuy nhiên bởi vùng Cao Nguyên rộng lớn, mật độ dân số (sắc dân) chia ra từng nơi để sinh sống: Người J'rai được gọi là Bahnar vùng dưới (An Khê, Phú Túc); người Bahnar KonTum được gọi là Rơ-ngao; người J'rai ở Pleiku được gọi là Hơdrung, núi (Hàm Rồng). Người J'rai vùng Plei Kly (Chư-Sê), được gọi như thế nào thì cho tới bây giờ vẫn chưa có tài liệu nào ghi lại. Tuy nhiên người Thượng chỉ có chung một Pơtao, Pơtao có nghĩa là "Nước & Lửa", có quyền lực bao trùm cả Cao Nguyên. Người Kinh sau này ngang nhiên chiếm đất của họ, chà đạp danh dự của họ... Tất nhiên họ không làm gì được với sức mạnh đông đảo của người Kinh, nhưng sự phản kháng âm thầm trong lòng họ lúc nào cũng có. Đó là điều rất nguy hiểm.

Tổng thống Ngô Đình Diệm, tách vùng Cao Nguyên ra khỏi (Hoàng Triều Cương Thổ) sau khi Pháp giao lại cho triều Nguyễn... Từ đó Cao Nguyên do người Thượng tự chủ qua bao đời, nay họ vẫn được tự chủ dưới thời VNCH. Chính sách Dinh Điền của Tổng thống Ngô Đình Diệm – đưa dân đi lập nghiệp ở các vùng (Long Khánh, Rạch Giá, Pleiku, KonTum...). Chính phủ Ngô Đình Diệm đều có thương lượng với người Thượng... Bù lại chính phủ giúp đỡ người Thượng về các mặt đời sống, như: – xây trường học, (kể cả trường đại học dành cho người Thượng), bệnh viện... Nâng cao đời sống và khuyến khích người Thượng định canh, định cư và trồng cây công nghiệp... Tuyệt đối không chủ trương hay đề xướng đồng hóa người Thượng cũng như xóa bỏ tập quán chữ nghĩa của người Thượng. Về hành chánh, Già Làng là người coi sóc Buôn Làng, chính quyền miền Nam không đặt để người giám sát người Thượng. Người Thượng được tham gia chính quyền và quân đội... Người Thượng chỉ cần có bằng trung học nếu tham gia quân đội thì họ sẽ là sĩ quan thay vì phải có bằng tú tài như người Kinh. Phụ nữ người Thượng sau khi đỗ trung học họ được nhận vào học Y Tá, Điều dưỡng thay vì phải có bằng tú tài như phụ nữ người Kinh. (Xem "Từ Một Chín Năm Bày" (Dinh Điền) của Trang Y Hạ)

Cô Amai B'Lan, kể:

"Nhà Ami H'siu thuộc buôn Ama Djong, trước đây có tiếng là đạo đức và truyền thống. Khi nhắc đến một buôn thì có nghĩa dân cư trong đó hầu hết là người J'rai, sống theo kiểu người J'rai. Nhưng bây giờ đi vào Buôn Ama Djong, tôi chỉ thấy vài ba căn nhà dài. Người ta đã thay nhà sàn bằng nhà xây, vật dụng trong nhà cũng là của người Kinh. Giới trẻ thay cái váy truyền thống bằng quần Jeans bó sát. Ở một góc của Buôn, đàn ông tụ tập gầy sòng bạc, uống rượu và chửi tục. Người trong Buôn nói: "Người J'rai bây giờ đã biết học theo người Kinh rồi. Con gái J'rai đã biết làm đĩ còn con trai đã biết ăn cắp rồi". Tôi nghe mà sượng sùng không biết giấu mặt đi đâu. Vừa xót xa cho họ vừa tủi hổ cho mình. Buôn Ama Djong đã bị lai căng nhanh hơn những Buôn khác vì nằm ngay trung tâm thị xã. Ngặt nỗi, người J'rai nếu bị tha hóa thì lại càng bị nặng hơn người Kinh. Người ta không thể cưỡng lại sự hấp dẫn của cuộc sống hiện đại, cũng như không thể cưỡng lại những chủ trương, chính sách của nhà nước". (Ngưng trích).

Tác giả Amai B'Lan, nói: *"Tôi nghe mà sượng sùng không biết giấu mặt đi đâu. Vừa xót xa cho họ vừa xấu hổ cho mình". Đặt tôi vô trường hợp đó, tôi cũng cùng tâm trạng như cô Amai B'Lan... Quả thật xấu hổ biết bao khi chúng ta tự hào là người Kinh, vậy mà: **Người J'rai bây giờ đã biết học theo người Kinh rồi. Con gái J'rai đã biết LÀM ĐĨ còn con trai đã biết ĂN CẮP rồi**".*

Nghe mà đau xót trong lòng. Người Kinh chúng tôi thời xưa tuy chưa hoàn hảo nhưng người Thượng người Kinh sống với nhau hài hòa. Ngày nay người Thượng (dù ít nói) nhưng họ phải nói ra lời than vãn - vừa trách móc - vừa ngao ngán về người Kinh tới như vậy. Buôn làng của người Thượng xưa ở gần thị trấn cũng vẫn là nhà sàn, như: làng Konrachot, Kon kơnam ở trong thị xã KonTum. Tập tục của người Thượng ngày xưa nhất là giới trẻ cũng không bị ảnh hưởng "tật xấu" nếu có của người Kinh. Ngày xưa nếu ai đó thấy cô gái Thượng xinh đẹp, rồi nói giỡn: *"Cho (Bắt-Cái-Nước) chút chút..."*. Nghe vậy..., thì cô gái Thượng ré lên rồi bỏ chạy... Còn nếu như ai xúc phạm thân thể thiếu nữ người Thượng, nhẹ thì Già Làng phạt rượu cần, phạt con dê... Nặng thì phạt trâu, bò và bắt người thanh niên người (kinh) xúc phạm phải cưới cô thiếu nữ Thượng đó...! Luật lệ người Thượng tuy bất thành văn nhưng rất rõ ràng, cho nên thanh niên người Kinh rất e dè... Tuy vậy, vẫn có thanh niên người Kinh và người con gái Thượng kết hôn với nhau. Người Thượng không bao giờ biết nói dối, họ ít nói nhưng mỗi khi họ nói ra đều là sự thật.

Và, cô Amai B'lan đã thất vọng về vùng đất mà cô đã tới bằng tất cả tâm lòng triu mến. Cô Amai B'Lan, kể:

“Tôi đã tới nơi cần tới sau nhiều ngày mơ tưởng về thủ phủ của người jrai, về vùng đất của Potao Apui, về những căn nhà sàn đêm đêm bập bùng ánh lửa kể akhan, về dân tộc có đời sống tâm linh vô cùng sâu sắc, nhưng sao cảm giác trong tôi thật lạ, có gì đó như là tan vỡ.”

(Ngưng trích)

Tôi may mắn hơn cô Amai B'lan là tôi được học hành dưới hai thời đệ nhất và đệ nhị Cộng Hòa Miền Nam. Tôi uống nước từ con sông Dakpsi, Pơko... Lớn lên, tôi lại công tác tại các buôn làng người Thượng trong nhiều năm. Những mơ tưởng của cô về người J'rai, về người Thượng nói chung, tôi đều đã có đủ: bằng hình ảnh, bằng thơ, văn mà tôi đã ghi lại để cho lớp trẻ (Kinh – Thượng) muốn tìm hiểu về một vùng đất đỏ Cao Nguyên huyền bí. Tôi đã cùng với họ ca hát qua điệu cồng chiêng dưới ánh lửa bập bùng giữa đêm rừng sương lạnh với can rượu Cần, màu rượu từ lúc ban đầu còn đục ngầu, uống cho tới lúc rượu trong ché nước trong vắt, từ các làng: - Konhring, Daktri, Konhnong, Dakmot, Dakkanjop, Dakkangpeng, Yalokoram, Dakpek, Toumorong, Mänden, MănBuk... Tôi bỏ Cao Nguyên (KonTum) ra đi vào ngày “di tản chiến thuật”. Tôi nhớ Cao Nguyên, tôi nhớ KonTum, DakTo!

Đến với người Thượng bất cứ ở vùng nào, để tìm hiểu về tập tục của họ, điều trước tiên là phải chân thành, trung thực và hòa đồng... Chuyện ăn uống, tuy đơn giản nhưng không phải ai cũng đủ (can đảm) ăn uống chung từ các món ăn... của người Thượng. Món ăn của người Thượng ở bất cứ vùng nào cũng na ná như nhau: Lá khoai mì, lá dang, kiến vàng, trứng kiến vàng, rau dớn, măng tre le... Thịt thú rừng, cá sông, suối được chế biến theo cách thức riêng của họ... Một khi cùng ăn, cùng uống với người Thượng, thì tức khắc tình cảm của họ sẽ nảy sinh - họ sẽ san sẻ mọi chuyện trong cuộc sống cũng như tục lệ... Tuy thời gian cô Amai B'lan tới Ayunpa, Krong Pa... không bao lâu nhưng cô đã làm được điều đó. Cô noi theo gương Cha thừa sai Dournes, Cha đã quên đi mình là người da trắng để hòa đồng cùng người J'rai... Tôi rất khâm phục cô.

Cô Amai B'lan, kể:

“Chợ Chư Rcăm nằm bên dòng sông Pa, băng qua cầu Lệ Bắc là tới Chợ nhỏ và ít hàng hóa. Lèo tèo vài ba quán tạp hóa, mấy hàng thịt, hàng rau của người Kinh. Người ta đi chợ chiều chủ yếu để mua cá của người J'rai bắt từ sông Pa lên, còn sống tươi ngon hơn chợ sáng. Người J'rai cũng đem rau cỏ ở nhà trồng được ra chợ bán, nhưng kiểu bán không cân đo đong đếm như người kinh. Ví dụ như họ bán cá, họ không bán theo ký, mà bán theo đồng. Họ chia ra từng đồng nhỏ, có quả to quả bé, quả tốt quả xấu. Mỗi đồng chừng hai ba lạng, giá hai nghìn đồng. Người J'rai không biết thương lượng giá, hai nghìn thì bán mà ba nghìn thì không, bớt xuống năm trăm cũng không chịu. Cho nên mua bán với người J'rai miễn trả giá. Nói một là một. Hai là hai. Sau này biết tôi ở nhà cha Gioan, họ bán rẻ đi và còn cho nữa. Trước khi tôi tới, cha phải tự đi chợ nấu cơm. Người ta thấy cha đi chợ mua đồ ăn, tội nghiệp không dám lấy tiền. Vì vậy, khi nào nhà sắp hết quỹ tôi lại chọc cha: “Nhà mình nghèo rồi, cha đi chợ đi...”

(Ngưng trích)

Tôi không ngờ rằng, sau hơn nửa thế kỷ, lớp người Thượng sinh sau vẫn còn giữ y nguyên bản tính thật thà của ông cha của mình ngày xưa... Điều này tôi cũng đã viết trong “Cánh Rừng Thời Nhỏ”. Người Thượng có lòng tự trọng và nhân cách riêng của họ. Thổ sản họ mang ra chợ bán họ đều chọn lựa kỹ càng chứ không pha lẫn đồ tạp nhạp bên trong để lừa gạt người mua. Giá cả họ định ra tương xứng với công lao của họ. Đây là đức tính trung thực vô cùng cao quý từ ngàn đời của ông cha họ truyền lại. Người xưa nói trong tận cùng đau khổ vẫn có phút giây thanh thản... Quả đúng như vậy. Đoạn văn mà cô Amai B'lan tả thực dưới đây đã cho tôi được sống lại giai đoạn thời thơ ấu ở cái làng bên dòng sông Dakpsi êm đềm chảy qua... Buổi sáng, tôi nghe tiếng con công, kêu: tổ họ..., buổi chiều tôi nghe tiếng con chim mỏ kiến mỏ vô thân cây tre lồ ô vang cả núi rừng... Và tôi nhìn vô làng KonHring: làn khói bếp quện trên những nóc nhà sàn cùng với sương mù, khói núi hay lắng nghe tiếng chuông nhà thờ vang vọng vào các ngày chúa nhật và lễ trọng!

Cô Amai B'lan, kể:

“Khi bóng chiều sụp tối, tôi nhìn thấy những đứa trẻ đi chăn bò về, lặng lẽ và mệt mỏi. Người lớn đi nương về, tay xách cuốc, lưng gói củi, vừa đi vừa rậm rì nói chuyện. Bên thềm giếng, mấy đứa nhóc tranh nhau múc nước tắm, tiếng la ó đờn giỡn náo nhiệt một góc làng. Ở một mái hiên nhà, người phụ nữ lom khom giã lá mì lốc cốc. Nơi gian bếp bập bùng ánh lửa. Khói lan tỏa buôn làng. Tiếng dế rúc rích kêu. Cuộc sống thâm trầm và bình dị trôi qua, chỉ còn ngửi thấy mùi khói bếp và mùi nồng nồng

của phân bò trên đường làng. So với Ayunpa, người J'rai ở Krong Pa còn “nguyên thủy”, đậm chất J'rai lắm. Bao nhiêu điều cha Jacques Dournes viết về người J'rai, ít ra vẫn còn thấy bàng bạc ở Krong Pa”.
(Ngưng trích)

Tôi thương lắm câu nói của cô Amai B'Lan “ít ra vẫn còn thấy bàng bạc...”. Chao ôi! Chỉ là thấy bàng bạc thôi sao? Làm sao cô nhận định được đó là sự bàng bạc khi mà cô sinh sau đẻ muộn tới mấy chục năm... Cô là một thi sĩ, nên cô mới tưởng tượng ra được rằng vùng Cao Nguyên huyền bí ngày xưa: rừng cây rậm rạp bạt ngàn bất tận, rừng phủ ra tận mép quốc lộ... Thú rừng: voi, cạp, beo, mang, mễnh, heo rừng, chồn, sóc, chim chóc sinh sôi đầy đàn...!

Một khi đất rừng mất hết thì cây thuốc cũng mất sạch hết! Vậy thì lấy cây thuốc ở đâu ra mà chữa bệnh đây? Người Thượng từ ngàn xưa họ đã học hỏi được từ muôn thú cách dùng cây lá để chữa bệnh, họ không cần tới bác sĩ như người Kinh. Ngày nay, mỗi khi bệnh người Thượng phải nhờ bác sĩ khám và mua thuốc, nhưng chưa chắc đã gặp bác sĩ giỏi và thuốc tốt, hơn nữa lấy tiền ở đâu ra mà chữa bệnh khi cái ăn, cái mặc còn chưa ấm, chưa no.

Người J'rai, người Thượng trên Cao Nguyên, họ có nhiều vị thần... Họ tôn thờ, nhưng họ không mê tín. Họ theo đạo Công Giáo từ rất sớm qua việc truyền giáo của các vị giáo sĩ thừa sai cũng như các vị linh mục bản địa. Họ rất sùng kính Chúa và biết giữ lời răn dạy từ giáo lý... Một số người Thượng nuôi “bùa, ngãi...” để hại người đều bị Già Làng, Linh Mục quản xứ đuổi họ ra khỏi làng. (Một số người Thượng nói viết tiếng Pháp rất giỏi).

Cô Amai B'Lan, kể:

“... cả buôn Nu lữ lướt kéo nhau tới nhà nguyện. Họ tới đông đến nỗi ngòi tràn ra cả mái hiên. Mỗi tuần có hai ngày cầu nguyện, vào tối thứ tư và thứ sáu. Những buổi cầu nguyện như thế này thường là để chia sẻ Lời Chúa và kể cho anh chị em nghe về những ơn lành mình đã lãnh nhận được trong ngày qua. Chính vì vậy, buổi nguyện rất đông người tham dự. Tôi thấy người đàn ông J'rai lần giờ cuốn Kinh Thánh bằng tất cả sự kính cẩn của mình. Người mẹ dịu con trên lưng ngòi lặng im nghe người khác chia sẻ. Những cô gái J'rai cất tiếng hát ngợi khen Đức Chúa và đắm trẻ mong chờ cha ban phúc lành. Tôi ngồi đây, nghe họ nói mà chẳng hiểu gì, nhưng tôi có thể cảm thấy sự linh thiêng và tín thác của họ trong những lời nguyện. Họ đến với Chúa mang theo nguyện vọng con người của họ, về lam lũ khổ cực, áo quần lấm lem bụi bẩn, đôi tay thô kệch chai sạn, bàn chân rạn nứt và ánh mắt xa xăm. Chúng tôi dù Kinh hay J'rai, thì trong buổi cầu nguyện này, mọi sắc tộc đều vô nghĩa. Chúng tôi trở thành anh chị em của nhau. Chúng tôi trở nên một, vì chúng tôi có cùng một cha trên trời”.

(Ngưng trích)

Đọc đoạn văn xong đôi mắt của tôi, cay... cay..., và nghe trong lòng quặn thắt...! Xin Chúa che chở và ban ơn thiêng xuống trên nỗi bất hạnh của họ đã bị loại trừ; loại trừ ngay trên đất rừng huyền bí của ông cha người Thượng từ ngàn năm để lại. Tiếp theo là họ sẽ bị đồng hóa một cách có “hệ thống” (hữu hình lẫn vô hình). Không thể đổ thừa hết cho sự tiến bộ của văn minh qua internet, qua công nghệ tân tiến... làm xóa đi, hoặc làm cản trở sự tiếp nhận đi lên (chậm chạp) của một sắc dân sống trên vùng Cao Nguyên lâu đời... Tàn sát rừng là tàn sát tất cả “vật thể và phi vật thể” của người Thượng. Văn hóa công chiêng không phải là những cái chiêng để đánh phèng... phèng... cho vui... Bởi, một khi không còn cây rừng thì cái chiêng đó dù có đánh suốt ngày cũng không đem lại ý nghĩa gì cả, vì âm vọng dội lại từ núi rừng âm u huyền bí đã tắt ngấm. Tiếng chiêng chính là hồn thiêng của rừng đại ngàn hòa nhịp với sao với đêm chập chờn trong ánh lửa bập bùng ngả nghiêng theo chén rượu cần quay cuồng trong điệu nhạc vang vọng cả dòng sông, dòng suối... Người Thượng cũng như người Chăm, họ sống lẻ loi âm thầm nhẫn nại trên chính trên quê hương của mình.

Cô Amai B'lan, kể:

“Ở đây, người J'rai cũng không tránh được làn sóng của cuộc sống hiện đại. Quốc lộ 25 chạy ngang qua la R'siom thu hút nhiều người Kinh đến lập nghiệp bên đường. Họ mở quán café, quán nhậu, cửa hàng điện thoại và nhiều dịch vụ khác. Người J'rai vốn là một dân tộc hiền lành và thật thà, đã không được chuẩn bị gì để thích ứng trước cuộc đổ xô ồ ạt của người Kinh. Còn người Kinh thì ra sức phô bày những sản phẩm của sự tiến bộ khiến người J'rai cảm thấy mình lạc lõng, ngu dốt. (Có phải vì vậy mà

người J'rai khi nói chuyện với người Kinh mặt cứ cúi gầm xuống và tự nhận mình là con lật đật không?). Kết quả là người J'rai bị Kinh hóa mà không biết. Những đứa trẻ J'rai đứng trước hàng bánh đầy màu sắc của người Kinh, không thể nào cưỡng lại nỗi sự hấp dẫn. Chúng nào biết trong cái bánh xanh đỏ ấy là chất bảo quản độc hại”.

(Ngưng trích).

Hầu hết thời gian cô Amai B'lan lên vùng Krong Pa là để dạy học (dạy kèm) vào ban đêm cho các em chủ yếu là người Thượng J'rai, cũng có một ít các em người Kinh tới học. Lớp học mỗi đêm ở trên nhà sàn của người J'rai cho mượn, lớp học có khoảng năm mươi em..., các em tới học quá nhiều nên không còn chỗ để ngồi phải ngồi cả ra ngoài hiên, các em phải đội cái đèn pin đi sẵn bịt chụm đầu vào nhau để mà học... Học trò (học thêm) của cô Amai B'lan phần đông các em đã học qua lớp bốn nhưng về toán “cộng, trừ, nhân, chia” phần nhiều không biết: $7+8$ bằng bao nhiêu? “. Lòì em H' Nhao, nói: *“Em học lớp 12 rồi mà còn không thạo nhân chia nữa chi ơi”* Trời ơi! Họ dạy cái gì trong 12 năm học của các em? Còn về kiến thức thì các em không biết các em ở Việt Nam. Hỏi các em, ngoài nước Việt Nam ra thì còn nước nào khác trên thế giới? Các em thì nhau trả lời: *“Nước Krong Pa”*. Học lên lớp ào ào nhưng không biết gì hết. (Amai B'lan) Cô nói vậy đó! Người J'rai cứ nọ nần mãi vì có biết tính toán là cái gì đâu. Họ bán hết đất đai cho người Kinh bởi vì họ không tính toán được giá trị thực miếng đất của họ đang có là bao nhiêu tiền theo thời giá lên xuống... Cô buồn, vì học trò của cô học kém, học kém vì các em có được dạy dỗ chu đáo gì đâu mà các em học cho được giỏi giang. Học trò của cô trả “học phí” cho cô là mấy bó lá khoai mì, vài ba củ quả trái cây...!

Cô viết như một lời ăn năn sám hối:

“Người Kinh chúng tôi nợ các em, và các thầy cô giáo dạy dỗ các em phải là người gánh lấy sự bất hạnh và ngu dốt của các em. Họ cũng phải là người phải trả nợ cho những đau khổ và lạc hậu của dân tộc các em. Khốn thay những người làm giáo dục mà không giáo dục, vì họ sẽ phải hứng chịu lấy tất cả những tang thương và điều linh của nhiều thế hệ về sau. Làm sao tôi có thể kể cho các em biết rằng người Kinh của chúng tôi đang giết chết dân tộc các em từng ngày từng giờ. Chúng tôi giết các em ngay trong những buổi học, giết các em trong những cái chữ, giết các em bằng sự dễ dãi lên lớp và ru ngủ cả một thế hệ bằng ảo tưởng văn minh”.

(Ngưng trích)

Tôi rất thích câu: *“Khốn thay những người làm giáo dục mà không giáo dục...”*. Vậy, thầy cô giáo và cả bộ giáo dục họ làm gì? Câu hỏi này bao nhiêu năm qua ai cũng biết rõ, biết rõ nhưng ai cũng làm thình. Trong cuốn sách *“Nước Mắt Cửa Rừng”*, cô Amai B'lan còn (thổ lộ) nhiều vấn đề - thiệt thòi, bất công, đau khổ... mà tôi không thể kể ra hết ở đây. Cô Amai B'lan, nói tiếp:

“Cô không đổ lỗi cho các em, vì các em chỉ là những tờ giấy trắng. Người ta có viết gì lên đó đâu mà hy vọng các em có chữ nghĩa. Nếu nền giáo dục Việt Nam không thể dạy cho một học sinh lớp sáu người J'rai biết $15 - 8$ bằng bao nhiêu thì đây chỉ là một nền giáo dục tồi. Ôi, một đất nước chỉ mới đây thôi tự hào là quốc gia đoạt giải Nobel toán học mà dân chúng thì chẳng biết $4 + 7$ bằng bao nhiêu”

(Ngưng trích)

Nội dung các sự việc trong cuốn sách của cô viết thiết nghĩ tất cả mọi người trong xã hội đều đã rõ như ban ngày kể cả giới chức trách cũng hiểu nhưng không một ai trong số họ đủ can đảm nêu lên vấn đề để bàn bạc giải quyết..., không một ai đủ can đảm đứng ra bênh vực, giúp đỡ cho các em... Tất cả nhìn nhau im lặng... Người có trách nhiệm và người dạy dỗ họ đang sống sờ sờ, họ đang sống sung sướng với đầy đủ tiện nghi văn minh thậm chí giàu có trên nỗi đau từng ngày của người Thượng.

(Washington), nói:

“Một khi tự do ngôn luận bị mất đi thì chúng ta như những con cừu ngu xuẩn bị người khác dẫn tới lò sát sinh”.

Giáo hội Công Giáo đã tận tình giúp đỡ người J'rai về mọi mặt nhưng những sự giúp đỡ chỉ đạt được một phần nào chứ không vực dậy nổi...! Cô Amai B'lan nói vậy. Dù gì, thì giáo hội Công Giáo chính là một chỗ dựa vững chắc. Giáo hội là niềm tin, là niềm an ủi cho những ai bị loại trừ, bị ngược đãi...!

Tôi khâm phục cô Amai B'Lan. Người con gái có vóc dáng nhỏ bé nhưng nghị lực thật phi thường (cô đã làm được việc phi thường). Tôi cảm động khi nhìn hình ảnh cô nấu thức ăn cho ba mươi con người J'rai đi trồng mì ở trong rẫy xa xôi tận rừng sâu (vì đất gần nhà, người Kinh chiếm và mua hết). Nắng nóng ở Krong Pa là (thổ sản) không hề thiếu sẽ thiêu đốt thân xác của cô.

Trong cuốn sách mỏng này, cô đã trình cho mọi người thấy bức tranh âm đạm về hiện tại, tương lai của người Thượng nói chung và người J'rai ở Ayunpa, ở Krong Pa, ở Phùm Gi, ở Buôn Nu, ở Buôn Phùm Ang xa xôi... Cô quả thật là can đảm, cô vượt lên trên nỗi sợ hãi vốn có của con người. Nhà triết học Krishnamurti, nói: "*Sự sợ hãi nảy ra thần thánh*". Đúng vậy đó, đứng trước sự sợ hãi người ta chạy tới cầu cứu nơi đáng quyền năng để được che chở... Đối với cô (Amai B'Lan) – cô can đảm vượt qua nỗi sợ hãi, từ: thiên nhiên khắc nghiệt, từ con người không thiện cảm với việc làm của cô... Bởi vì cô vốn đã có Chúa ngự ở trong lòng. Cô đã tiếp bước (dù ít ỏi) của các vị thừa sai như: cha Dourisboure trong thiên bút ký "Dân Làng Hồ" của ngài với biết bao gian lao khổ ải bởi: sốt rét rừng, kiệt lý, đói khát... Chính cha Gioan đang phụ trách 40 giáo họ ở Ayunpa cũng "kiệt sức, và cô cũng đã trải qua một cơn bệnh nặng mất hơn nửa tháng mới khỏi.

Cảm ơn tác phẩm "Nước Mắt Của Rừng! Cảm ơn cô Amai B'Lan, chúc cô luôn luôn bằng an trong ơn Chúa! Tất cả những ai dẫn thân vì người nghèo khổ, người bị áp bức dù ít dù nhiều họ đã là thánh.

Trang Y Hạ
San Francisco 2013